

Bản án số: 39/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 29/10/2019.

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TO.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông NGUYỄN TIẾN HÙNG.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 - Bà NGUYỄN THỊ TÍCH;
 - Ông NGUYỄN HUY QUÝ.
- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Bà PHẠM ANH BÍCH – Thư ký Toà án nhân dân huyện TO.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO, Hà Nội:**
Bà DƯƠNG THỊ NGỌC LOAN, kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TO - TP. Hà Nội xét xử công khai vụ án thụ lý số: 203/2019/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1982.

Nơi sinh: Thôn T, xã PT, huyện TO, Tp. Hà Nội.

ĐKNKTT và nơi ở: Thôn KT, xã KT T, huyện TO, Tp. Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1982.

ĐKNKTT và nơi ở: Thôn KT, xã KT T, H. TO, Tp. Hà Nội.

Tại phiên tòa chị T, anh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân T quen biết nhau vào tháng 4 năm 2014, sau 04 tháng tìm hiểu thì tổ chức cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã KT T, huyện TO, Tp. Hà Nội trên cơ sở tự nguyện của hai bên, sau ngày cưới chị về nhà anh T chung sống ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai con chung, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn vì nhiều lý do khác nhau, vợ chồng không có được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh T hay đánh, chửi chị, từ tháng 6 năm 2017 đến nay

vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan T đến ai nên chị khởi kiện đề nghị Tòa án TO giải quyết cho được ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn MM, sinh ngày 17/8/2015 và Nguyễn BA, sinh ngày 22/02/2017. Khi ly hôn chị có quan điểm nhận nuôi cháu Nguyễn BA vì cháu còn bé, còn cháu Nguyễn MM để anh T nuôi dưỡng, còn nếu anh T không nhận nuôi Quyên thì chị có quan điểm nhận nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ và các yêu cầu khác: Chị khai nhận không có.

Phần trình bày của bị đơn anh Nguyễn Xuân T:

- Về thời gian tìm hiểu của vợ chồng, nơi đăng ký kết hôn và cuộc sống của vợ chồng sau khi kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm vợ chồng sống ly thân của hai người như phần trình bày của chị T là đúng anh không bổ sung gì thêm, nay chị T có quan điểm ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì cho rằng nếu ly hôn thì các con sẽ khổ.

- Về con chung: Như chị T trình bày, vì anh không đồng ý ly hôn nên không đưa ra quan điểm về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh xin nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị T trợ cấp nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ và các yêu cầu khác: anh khai nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về *quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Xuân T đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã KT T, huyện TO, Tp. Hà Nội năm 2014, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ được nhà nước công nhận, nay có yêu cầu ly hôn, cần áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 để giải quyết.

- Về *mâu thuẫn của vợ chồng* Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ lời khai nhận của chị T, anh T cho thấy, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai con chung, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng và từ tháng 6 năm 2017 vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Tại phiên tòa chị T giữ quan điểm ly hôn, bản thân anh T cũng không có giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, xét việc đoàn tụ không

thành, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận đơn xử cho chị và anh được ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung*: Theo khai nhận của chị T, anh T vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn MM, sinh ngày 17/8/2015 và Nguyễn BA, sinh ngày 22/02/2017. Cả anh và chị đều có quan điểm nhận nuôi con chung, xét việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, xét về điều kiện thì chị T, anh T đều có đầy đủ quyền và nghĩa vụ này, tại phiên tòa chị T có đề nghị được nhận nuôi dưỡng cháu Nguyễn BA vì cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, nên cần giao cháu Châu cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu Nguyễn MM giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng của hai bên và con chung, hai bên không yêu cầu trợ cấp nuôi con cho nhau nên chấp nhận.

- *Về tài sản chung, công nợ và các yêu cầu khác*: Chị T, anh T trình bày không có nên không xem xét.

Đại diện VKSND huyện TO, tham gia phiên tòa có quan điểm:

Từ khi nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ. Thẩm phán, thư ký đã tiến hành tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, không vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cần xem xét toàn bộ nội dung, căn cứ tài liệu đã thu thập được và trình bày của hai bên đương sự, chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn.

Về con chung: Đề nghị giao hai cháu Nguyễn BA và Nguyễn MM cho chị Phạm Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

-*Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lý trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều: 51, 53, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Điều 271,272,273 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- *Xử*: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Xuân T được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn BA, sinh ngày 22/02/2017 cho chị Phạm Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn MM, sinh ngày 17/8/2015 cho anh Nguyễn Xuân T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ trợ cấp nuôi con chung cho cả anh và chị cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu.

Chị Phạm Thị T, anh Nguyễn Xuân T có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không bên nào được cản trở bên nào.

- Về tài sản chung và công nợ và các yêu cầu khác: Không xem xét trong bản này.

- Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 01854 ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/10/2019.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hà Nội;
- VKSND Huyện TO;
- Các đương sự;
- UBND xã KT T;
- Lưu Hồ Sơ .

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN TIẾN HÙNG